TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: **20/12/2018**
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Trang

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Ba.

2. Ông Nguyễn Phước Lộc - Giám đốc Trung tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình huyện Phú Quốc.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Thanh Toàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21/8/2018 về việc:*"Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/12/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Mỹ N, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Lê Bát, xã Cửa Cạn, huyện P, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bến Tràm, xã Cửa Dương, huyện P, tỉnh K.

3. Con chung: Đào Ngọc Uyên V, sinh ngày 10/02/2016.

Địa chỉ: Ấp Lê Bát, xã Cửa Cạn, huyện P, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đào Mỹ N trình bày:

Tháng 5/2015, tôi và anh Nguyễn Tấn Đ tự nguyện tìm hiểu chung sống vợ chồng có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới tôi và anh Đ sống chung nhà với ba mẹ tôi tại ấp Lê Bát, xã Cửa Cạn, huyện P. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc vì công việc của vợ chồng đều thuận lợi nhưng sau đó do anh Đ đi sớm về muộn bỏ bê công việc, không quan tâm đến gia đình. Tôi đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ vẫn không thay đổi nên tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sau khi tôi sinh con, anh Đ càng không quan tâm đến vợ con và ngày càng đi nhiều hơn, từ ngày 14/3/2016 thì tôi và anh Đ không còn chung sống cùng nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng giữa tôi và anh Đ không còn, có kéo dài thì cũng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 01 người con chung tên Đào Ngọc Uyên V, sinh ngày 10/02/2016. Tôi yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ đã khai tại bản tự khai ngày 19/11/2018 và biên bản hòa giải ngày 27/11/2018 như sau:

Về hôn nhân, con chung, tài sản chung và công nợ chung vợ tôi (N) trình bày là đúng, tôi không có ý kiến bổ sung. Nay vợ tôi yêu cầu được ly hôn với tôi thì tôi đồng ý. Về con chung tôi cũng đồng ý giao cháu Đào Ngọc Uyên V cho vợ tôi (N) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

XÉT THẤY

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự, đây là vụ án "Xin ly hôn" theo quy định tại các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Đ

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 15/5/2015, chị Đào Mỹ N và anh Nguyễn Tấn Đ tự nguyện tìm hiểu chung sống vợ chồng có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 3/2016 thì vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi cho đến nay.

Tại phiên tòa chị N cho rằng do anh Đ thường đi sớm về muộn, không quan tâm đến chị và con. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên ngăn, tạo cơ hội nhưng anh Đ vẫn không thay đổi nên khẳng định tình cảm vợ chồng với anh Đ không còn, khả năng đoàn tụ không thể vì vậy vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét yêu cầu, quan điểm của các đương sự nhận thấy:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, hai người đã có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn vì cả hai đều thừa nhận do bất đồng quan điểm sống. Ý kiến của anh Đ cũng cho rằng vợ chồng không thể hàn gắn vì tình cảm không còn, vì vậy thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị N. Tuy nhiên, do chị N và anh Đ không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có cơ sở để giải quyết cho ly hôn mà cần tuyên bố mối quan hệ giữa hai người không phải là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị N và anh Đ xác nhận có một người con chung tên Đào Ngọc Uyên V, sinh ngày 10/02/2016 và thống nhất giao cháy V cho chị N nuôi dưỡng. Xét thấy cháu V là bé gái, hiện còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh Đ về việc giao cháu V cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không có yêu cầu nên miễn xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N và anh Đ đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên cũng miễn xét.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Mỹ N và anh Nguyễn Tấn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao con chung Đào Ngọc Uyên V, sinh ngày 10/02/2016 cho chị Đào Mỹ N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Chị N và các thành viên trong gia đình của chị N không được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung của anh Đ.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không có yêu cầu nên miễn xét.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N và anh Đ đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Đào Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị N đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007896, ngày 13/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nay chuyển thành án phí. Như vậy, chị N đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Tấn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa